

Bản án số: 88/2019/HSST

Ngày: 19/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Nữ Hương Hèn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền và bà Đỗ Thị Ngọc Hoan.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần M T- Cán bộ Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thúy H- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại Toà án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 74/2019/HSST ngày 12/6/2019 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn T T- sinh năm 1993 tại V; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, Hện L, tỉnh V; Văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T; Vợ: Tạ Thị T; Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/10/2018 (có mặt).

2/ Nguyễn Văn T- sinh năm 1995 tại V; nơi cư trú: Thôn , xã T, Hện L, tỉnh V; Văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị T; Vợ: Hà Hồng H; Con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/10/2018 (có mặt).

3/ Nguyễn Như D- sinh năm 1991 tại V; nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, Hện L, tỉnh V; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Ngọc B và bà Nguyễn Thị Thúy G; vợ: Hà Thị L; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/10/2018 (có mặt)

4/ Vũ Anh T- sinh năm 1992 tại V; nơi cư trú: Thôn T, xã V, Hện L, tỉnh V; Văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Vũ Văn T và bà Vũ Thị ; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/10/2019 (có mặt).

5/ Trần Xuân M- sinh năm 1994 tại V; nơi cư trú: Thôn V, xã T, Hện L, tỉnh V; Văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần M C và bà Nguyễn Thị Hồng G; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/10/2019 (có mặt).

6/ Nguyễn Đ N- sinh năm 1998 tại V; nơi cư trú: Thôn C, xã Xuân Lô, Hện L, tỉnh V; Văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Quang D và bà Đỗ Thị L; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định số 07/QĐ ngày 11/7/2014 của Tòa án nhân dân Hện L, tỉnh V áp dụng đưa vào trường giáo dưỡng đối với Nguyễn Đ N thời hạn 15 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản”; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/10/2019 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Như D: Ông Nguyễn Văn T- Luật sư Văn phòng luật sư 99- Đoàn luật sư tỉnh V (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đ N: Bà Kim Hồng Thanh- Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh V (có mặt).

Người bị hại: Anh Vũ Minh Đ- sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn Vân Hội, xã V, Hện L, tỉnh V (vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn T- sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, Hện L, tỉnh V (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn T T kinh doanh quán cầm đồ Anh T ở số nhà 11, ngõ 8, đường Nguyễn Tất Thành, phường K, thành phố V. Ngày 10/7/2018, anh Vũ Minh Đ nhờ người bạn tên là Hùng (không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể) dẫn đến vay số tiền 2.000.000đ của T. Khi vay, anh Đ viết giấy vay tiền gốc 2.000.000đ, lãi 100.000đ, hạn 10 ngày sau sẽ trả cả gốc và lãi và để lại 01 Đ ký xe máy Wave Blade, màu trắng, biển kiểm soát 88D1- 223.72 của anh Đ. Sau 10 ngày, T gọi điện đòi nợ thì anh Đ khất, nhiều lần không nghe máy, trốn tránh việc trả nợ. Do bức xúc anh Đ không trả nợ, gọi điện không nghe máy nên T nhờ Hùng tìm nơi anh Đ ở để đòi nợ. Sáng ngày 06/10/2018, Hùng điện thoại báo cho T biết địa chỉ anh Đ đang ở trọ tại ngõ 7, đường Nguyễn Tất Thành, phường K, thành phố V. Lúc này, T không đến gặp anh Đ mà chờ rủ thêm người, mục đích để lấy số đông uy hiếp, ép buộc anh Đ phải trả tiền. Đến trưa cùng ngày, T đang ở quán cầm đồ của mình thì Nguyễn Như D đến chơi. Tại đây, T rủ D đi bắt con nợ cùng, D đồng ý. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, D đến quán cầm đồ, T bảo D gọi điện rủ Vũ Anh T và Trần Xuân M đi đòi nợ cùng. D đồng ý và điện thoại cho T nói “Tôi ra quán có việc”, T đồng ý. Còn T dùng điện thoại của D gọi cho M nói “tôi ra quán có việc”, M đồng ý. Sau đó, T sử dụng điện thoại của mình gọi cho Hùng nhờ kiểm tra xem Đ có ở phòng trọ không. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày 06/10/2018, Hùng gọi cho T báo anh Đ đang ở phòng trọ. Một lúc sau, T đi bộ từ phòng trọ của mình (cách quán đồ của T 20m) đến quán; M điều khiển xe máy Wave, màu xanh, chở sau là chị Nguyễn Thị Thúy H (là bạn gái M) đến quán của T thì gặp T và D. Tại đây, T bảo với D, M và T “chúng mày đi bắt con nợ cùng tao” thì D, T, M đều đồng ý. Nhóm T chuẩn bị đi thì gặp Nguyễn Văn T đang ở quán Nail bên cạnh quán cầm đồ của T, T hỏi T “đi đâu đây, em đi nữa”, thì T nói “đi chơi ra đây với anh tỳ”, T đồng ý, rồi quay vào quán rủ thêm Nguyễn Đ N và Đỗ Văn H cùng đi với nhóm của T. Khoảng 21 giờ, D điều khiển xe máy Honda Wave, biển kiểm soát 88K9- 3058 chở phía sau là T

và T. H điều khiển xe Airblade (không rõ biển kiểm soát) của H chở T và N. M điều khiển xe Honda Wave chở chị H đi theo chỉ dẫn của T đến ngõ 7, đường Nguyễn Tất Thành, phường K, thành phố V. Khi đi đến gần ngã 3 trong ngõ 7 thì chị H không đi cùng M nữa. Cả nhóm của T đi đến ngã 3 thì dừng xe. Tại đây, T hỏi “đi đâu vào đây đây?” thì T nói “tìm một tH nợ tao, nó trốn, anh em mình đi siết nợ”, T, N và H hiểu ý của T rủ nên đồng ý đi cùng nhóm T. D, H, M điều khiển xe chở cả nhóm đến cổng vào khu trọ của gia đình ông Nguyễn Văn Thê ở Tổ dân phố Vinh Thịnh Đông, phường K, thành phố V. Tại đây, T gặp Hùng hỏi “nó đang ở đâu? thì Hùng chỉ vào trong khu trọ rồi bỏ đi. T đi vào dãy phòng trọ, vừa đi vừa giờ 01 tờ giấy Đ ký xe và nói “chúng mày tìm cho anh con xe Wave, màu trắng, biển số 88D1 – 223.72” (vì D, M, T, H, T và N không ai biết mặt anh Đ). N nhìn thấy xe của anh Đ dựng trước cửa phòng trọ số 5B nên hô lên “A, xe đây rồi”. Nghe thấy vậy, cả nhóm đi đến chỗ N đứng gần vị trí xe máy thì gặp anh Đ đang đứng trước cửa phòng trọ. Thấy anh Đ, T chửi bậy và nói “tưởng tao không tìm được mày à, không trả tiền cho tao thì bố mày giết”. Lúc này, cả nhóm biết anh Đ là người nợ tiền T nên quây vào. T tát vào mặt, đá vào người anh Đ; T lao vào Tm tóc, đám, đá vào người anh Đ. Còn D, T, M, N, H đứng vây xung quanh để cho T, T đánh anh Đ. Anh Đ xin khất nợ nhưng T không nghe. Lúc này, M nhìn thấy có Cammera an ninh tại phòng trọ nên nói “có camera đây”. T, T nghe vậy liền dừng lại, không dám đá anh Đ nữa. T Tm tóc, lôi, kéo anh Đ đi ra ngoài phía cổng khu trọ thì T hỏi “đưa đi đâu đây”, T nói “đưa nó về quán”. T vừa kéo anh Đ ra khỏi khu trọ, vừa nói với T “đi xe máy của nó về quán”. T vào phòng trọ của anh Đ thì gặp anh Nguyễn Trung Kiên, chị Vũ Thị Kim Dung và anh Đỗ Văn Đông đang ngồi chơi. Tại đây T nói “đưa chìa khóa xe trắng đây cho tao” thì anh Đông cầm chìa khóa xe máy 88D1 - 223.72 đưa cho T. T kéo anh Đ ra gần phía cổng. Khi ra ngoài cổng khu trọ, T tát anh Đ 01 cái, chửi và đẩy anh Đ ngồi lên xe do D điều khiển. Anh Đ sợ hãi bị nhóm T đánh nên ngồi lên xe máy của D, T ngồi sau giữ, không cho bỏ chạy. M điều khiển xe đi một mình, H điều khiển xe chở N và T, T đi xe máy của anh Đ đi theo D về quán cầm đồ Anh T ở ngõ 8, đường Nguyễn Tất Thành, phường K, thành phố V. Trên đường đi, T liên tục tát vào đầu anh Đ và nói “Mày thích trốn không, hôm nay mày không trả tiền tao thì chết với tao”. Khi đi đến quán cầm đồ của T, cả nhóm thấy có đồng người nên T bảo chở về phòng trọ của D, cách quán cầm đồ của T 20m. Cả nhóm đưa anh Đ đến khu trọ nhà bà Nguyễn Thị Đ ở ngõ 8, đường Nguyễn Tất Thành, Vinh Thịnh Đông, phường K, thành phố V. Đến trước cửa phòng trọ của D, T tiếp tục chửi và đá vào người anh Đ, đẩy anh Đ vào phòng, T tát vào mặt anh Đ. Do phòng trọ của D chật chội nên T bảo T mở cửa phòng trọ số 2 của T sát ngay phòng của D để đưa anh Đ vào. T mở cửa thì T lôi anh Đ vào bên trong phòng, còn T, D, H, N, T, M đứng ở ngoài cách cửa phòng đang mở khoảng 02m để canh giữ không cho anh Đ bỏ trốn. Phía trong phòng trọ, T tát, chửi anh Đ “Hôm nay mày phải trả tiền tao, không thì bỏ lại xe máy”, anh Đ khất nợ nhưng T không đồng ý, bắt anh Đ phải viết giấy bán xe để đảm bảo việc trả nợ cho T. Do sợ hãi nên anh Đ đồng ý. T đi ra ngoài nói với T, T, M, N, D H “ở đây trông, tao về lấy giấy”, rồi đi bộ về quán cầm đồ lấy giấy tờ.

Lúc này T, H, D, N, Đ, T đứng ở ngoài phòng trọ canh giữ anh Đ đợi T quay lại ép buộc anh Đ phải trả nợ. Một lúc sau, T quay lại cầm theo 01 bút bi màu xanh, 01 hộp mực dầu màu đỏ, 03 tờ giấy A4, in theo mẫu gồm “Giấy bán xe” (01 tờ), “giấy thuê xe” (01 tờ), “giấy vay tiền” (01 tờ). T liên tục chửi bới và ép buộc anh Đ phải viết giấy vay nợ cho T. Anh Đ xin nhưng T không đồng ý và nói “bây giờ mày viết lại cho tao giấy vay nợ 20 triệu”, anh Đ xin T viết nợ 4 triệu nhưng T không đồng ý và cuối cùng T bắt anh Đ phải viết giấy vay nợ số tiền 8.000.000đ rồi ký tên và dùng hộp mực đỏ điểm chỉ vào phần ghi người vay. Do sợ anh Đ lại tiếp tục trốn nợ nên T yêu cầu anh Đ phải viết giấy bán xe 88D1- 223.72 cho T với giá 8.000.000đ, mục đích đảm bảo cho việc anh Đ phải trả nợ cho T theo giấy vay nợ. Anh Đ sợ T đánh nên đồng ý viết giấy bán xe 88D1- 223.72 cho T với giá 8.000.000đ rồi ký và điểm chỉ vào phần người bán. T đưa lại cho anh Đ giấy vay nợ số tiền 2.000.000đ trước đó và nói “nếu sau 15 ngày không trả tiền thì xe máy là của tao”. T vẫn cầm Đ ký xe máy và bảo anh Đ phải đưa chứng minh nhân dân để đảm bảo anh Đ phải trả nợ, anh Đ nói để ở phòng trọ. Lúc này, T yêu cầu anh Đ viết giấy thuê xe 88D1- 223.72, anh Đ viết xong giấy thuê xe thì T đưa xe cho anh Đ quay về phòng trọ lấy chứng minh thư quay lại đưa cho T. Khi anh Đ ra khỏi phòng trọ thì xé bỏ tờ giấy vay nợ 2.000.000đ. Sau đó, T đi bộ về quán làm Nail của mình, còn T, D, T, H, N, M quay về quán cầm đồ. Anh T đợi anh Đ đến. Một lúc sau, anh Đ điều khiển xe máy 88D1-223.72 của mình đến quán cầm đồ của T đưa chứng minh thư cho T, cầm chứng minh thư rồi để anh Đ ra về cùng xe máy của Đ. Sau khi được nhóm T thả cho về, anh Đ đến Cơ quan Công an trình báo sự việc. Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 07/10/2018 thể hiện anh Đ bị sưng nề mắt phải, không có máu tụ; môi dưới bên phải cách mép 1cm có vết sát da không chảy máu, chân răng 1.2, 1.4 tụ máu. Vùng tai bên phải bị đau.

Ngày 07/10/2018, Công an thành phố V T hành thu giữ dữ liệu điện tử từ camera an ninh của gia đình bà Lưu Thị Đề (vợ ông Thế). Đoạn camera thu giữ hiển thị thời gian từ 20 giờ 57 phút đến 21 giờ 05 phút ngày 06/10/2018, chia làm 03 video có định dạng AVI, xuất ra 01 USB, nhãn hiệu Kingdom 16GB.

Ngày 07/10/2018, Nguyễn T T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 chứng minh thư nhân dân, 01 giấy chứng nhận Đ ký xe máy biển kiểm soát 88D1- 223.72, 01 giấy bán xe, 01 giấy thuê xe và 01 giấy vay tiền đều mang tên Vũ Minh Đ; 01 bút bi màu xanh, 01 hộp mực dầu màu đỏ; 01 điện thoại 1280, màu đen, gấn sim 0963.335.999; Nguyễn Như D tự nguyện giao nộp: 01 điện thoại di động VIVO, màu đen, gấn sim số 0886.363.491; Trần Xuân M tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động NOKIA 1280, màu đen, gấn sim số 0981.122.240; Vũ Anh T tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động Mobile, màu đỏ, gấn sim số 0967.480.231; Anh Vũ Minh Đ tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 xe máy, nhãn hiệu Wave, màu đen trắng biển kiểm soát 88D1- 223.72.

Ngày 09/10/2018, Công an thành phố V T hành khám xét quán cầm đồ Anh T của Nguyễn T T. Kết quả khám xét thu giữ: 01 mẫu giấy bán xe, 01 Đ ký kinh doanh, 01 sổ hộ khẩu, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn T T, 01 biên bản kiểm tra phòng cháy và 01 hợp đồng thuê nhà của T đều là bản sao.

Tại bản giám định thương tích số 422/TgT ngày 19/12/2018 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh V kết luận: “Dấu hiệu chính qua giám định: Thủng màng nhĩ tai phải do chấn thương (nghe kém nhẹ tai phải), xẹp 03%. Các vết bầm tím, sưng nề tụ máu không có trong danh mục xếp tỷ lệ phần trăm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 03%”.

Tại bản kết luận giám định số 1549/KLGD ngày 27/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V kết luận: “chụp được 15 ảnh nhận dạng và diễn biến vụ cướp tài sản trên từ 03 tập tin video gửi giám định. Ảnh chụp được in và tHết minh vào Bản ảnh giám định kèm theo Kết luận giám định này”. Hoàn lại mẫu vật sau giám định là 01 USB gửi đến giám định. Căn cứ bản tHết minh này xác định hành vi phạm tội của các đối tượng phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ việc, phù hợp diễn biến hành vi phạm tội của các đối tượng cũng như phương tiện các đối tượng sử dụng vào việc phạm tội.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 172/KL- HĐĐG ngày 19/10/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố V kết luận: 01 xe máy Honda Blade, màu trắng, biển kiểm soát 88D1- 223.72 trị giá 11.000.000đ.

Tại Cáo trạng số 79/CT- VKSNDTPVY ngày 11/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố các bị cáo Nguyễn T T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Như D, Vũ Anh T, Trần Xuân M, Nguyễn Đ N tội "Cướp tài sản" theo khoản 1 điều 168 và tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Tại phiên tòa, các bị cáo vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Người bị hại là anh Vũ Minh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 168, khoản 1 Điều 157, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 55, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

Nguyễn T T từ 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp chung bắt T phải chấp hành hình phạt từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/10/2018.

Nguyễn Văn T từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 08 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, 06 tháng đến 09 tháng về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp

chung bắt T phải chất hành hình phạt từ 03 năm 09 tháng đến 04 năm 04 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/10/2018.

Nguyễn Như D từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, từ 06 tháng đến 09 tháng về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp chung bắt D phải chất hành hình phạt từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 02 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/10/2018.

Vũ Anh T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, từ 06 tháng đến 09 tháng về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp chung bắt T phải chất hành hình phạt từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 02 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/10/2018.

Trần Xuân M từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, từ 06 tháng đến 09 tháng về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp chung bắt M phải chất hành hình phạt từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 02 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/10/2018.

Nguyễn Đ N từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, từ 06 tháng đến 09 tháng về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Tổng hợp chung bắt N phải chất hành hình phạt từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 02 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/4/2019.

* Áp dụng khoản 1, 2 điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu để bán xung quỹ nhà nước 02 điện thoại 1280 màu đen, 01 điện thoại di động VIVO màu đen và 01 điện thoại di động Mobile màu đỏ là công cụ các đối tượng sử dụng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bút bi màu xanh, 01 hộp mực đầu màu đỏ là công cụ thực hiện hành vi phạm tội.

- Trả lại số tiền 10.000.000đ cho anh Vũ Minh Đ là số tiền các bị cáo bồi thường thiệt hại.

- Xác nhận Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại 01 xe máy biển kiểm soát 88D1- 223.72 cùng các giấy tờ cho anh Vũ Minh Đ là hợp pháp.

Các bị cáo không có bào chữa, tranh luận khác. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Như D là ông Nguyễn Văn T, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đ N là bà Kim Hồng Thanh thể hiện quan điểm: Viện kiểm sát truy tố các bị cáo tội “Cướp tài sản” và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” là đúng người, đúng tội. Các bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đều là hộ nghèo, nhất thời phạm tội. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực bồi thường cho người bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn T đưa ra quan điểm đối với tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” bị cáo Nguyễn Như D được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít N trọng” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và cho bị cáo D được hưởng dưới mức

thấp nhất của khung hình phạt đối với tội “Cướp tài sản” và tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” vì cả 02 tội bị cáo D đều được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 đối với bị cáo D.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đáp lại ý kiến của người bào chữa không chấp nhận ý kiến bào chữa cho bị cáo D với lý do: Trong thời gian ngắn bị cáo liên tục thực hiện hành vi phạm tội nên không được áp dụng tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít N trọng” đối với tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và không chấp nhận áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để cho bị cáo được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt vì bị cáo có vai trò giúp sức tích cực.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận:

Xuất phát từ việc anh Vũ Minh Đ có vay của Nguyễn T T số tiền 2.000.000đ nhưng không trả đúng hạn và lẩn tránh không gặp T. Khoảng 21 giờ ngày 06/10/2018, T rủ Nguyễn Như D, Trần Xuân M, Vũ Anh T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Đ N đi siết nợ anh Đ. Khi cả nhóm đến phòng trọ của anh Đ ở số 5B khu nhà trọ của ông Nguyễn Văn Thử ở ngõ 7 đường Nguyễn Tất Thành, phường K, thành phố V. Nguyễn Văn T và Nguyễn T T đâm, đá vào anh Đ để đòi nợ. Sau đó T và đồng bọn khống chế, bắt giữ anh Đ và đưa anh Đ về phòng trọ của T ở số 2, ngõ 8 đường Nguyễn Tất Thành, phường K. Tại đây T và T tát và đẩy anh Đ vào trong phòng. Còn M, T, N, T và D canh giữ bên ngoài phòng trọ không cho anh Đ trốn thoát. T ép buộc anh Đ phải viết giấy nhận nợ với số tiền 8.000.000đ, bắt viết giấy bán xe máy biển kiểm soát 88D1- 223.72 bằng số tiền ghi trong giấy nhận nợ rồi bắt anh Đ viết giấy thuê lại chính chiếc xe trên để giàng buộc anh Đ phải trả nợ cho T số tiền 8.000.000đ. Do sợ bị đánh nên anh Đ viết giấy nhận nợ, giấy bán và thuê xe. Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày, T và đồng bọn thả cho anh Đ ra về. Quá trình bị đánh, anh Đ bị thủng màng nhĩ tai phải, kết luận giám định tỷ lệ thương tích là 03%.

Quá trình điều tra xác định số tiền gốc Nguyễn T T cho anh Vũ Minh Đ vay là 2.000.000 đồng, tiền lãi tính theo quy định tại khoản 5 Điều 474 và khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự là không quá 150% mức lãi suất cơ bản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Mức lãi suất cơ bản từ năm 2012 đến nay được áp dụng là 9%/năm, do vậy số tiền lãi anh Đ phải trả T từ ngày 10/7/2018 đến ngày 06/10/2018 là 45.000 đồng. Như vậy, số tiền T cùng đồng bọn nhằm

chiếm đoạt của anh Đ là: 8.000.000 đồng - 2.000.000 đồng tiền gốc - 45.000 đồng tiền lãi = 5.955.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn T T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Như D, Vũ Anh T, Trần Xuân M, Nguyễn Đ N dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc ép anh Vũ Minh Đ phải viết giấy vay nợ với số tiền 8.000.000 đồng, sau đó ép anh Đ phải viết giấy bán xe máy, giấy thuê xe thì sẽ cho anh Đ về đã phạm vào tội "Cướp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật quy định:

"1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm".

Hành vi của Nguyễn T T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Như D, Vũ Anh T, Trần Xuân M, Nguyễn Đ N khống chế bắt anh Vũ Minh Đ đưa về phòng trọ của T ở phòng trọ số 02, ngõ 8 đường Nguyễn Tất Thành, phường K rồi tạt anh Toàn đây vào trong phòng rồi canh giữ bên ngoài không cho anh Đ trốn thoát đã phạm vào tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự. Nội dung điều luật quy định:

"1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật,..... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[2] Xét tính chất, mức độ N trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân cũng như vai trò của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 10 năm tù nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm rất N trọng.

Xét tính chất vụ án là rất N trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm hại đến quyền nhân thân và quyền sở hữu về tài sản của công dân, đồng thời xâm phạm đến quyền tự do thân thể được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt N minh tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để trở thành công dân tốt.

Trong vụ án này, Nguyễn T T là người khởi xướng đồng thời là người thực hiện hành vi phạm tội. Nguyễn Văn T, Nguyễn Như D, Trần Xuân M, Vũ Anh T, Nguyễn Đ N là người thực hành tích cực.

[3] Về đồng phạm: Trong vụ án này các bị cáo không có sự phân công, câu kết, tổ chức, chỉ đạo chặt chẽ trong quá trình thực hiện tội phạm, do vậy chỉ là vụ án đồng phạm giản đơn. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có phân hóa vai trò của từng bị cáo để có đường lối xử lý tương xứng với tính chất mức độ mà các bị cáo đã thực hiện theo quy định tại điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho tất cả các bị cáo, đó là: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải về hành vi phạm

tội của mình. Các bị cáo đưa cho anh Nguyễn Văn T (anh trai bị cáo Nguyễn T T) số tiền 10.000.000đ nộp tại cơ quan điều tra để bồi thường cho anh Đ thay cho tất cả các bị cáo để khắc phục hậu quả. Người bị hại cũng có một phần lỗi không trả nợ đúng hẹn và lẫn trốn dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo D là ông Nguyễn Ngọc Bình được tặng thưởng H chương chiến sỹ vẻ vang, bị cáo D có thời gian phục vụ trong quân ngũ thuộc tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với phần bào chữa của ông Nguyễn Văn T bào chữa cho bị cáo Nguyễn Như D đề nghị áp dụng thêm tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít N trọng” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để cho bị cáo D được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, Hội đồng xét xử thấy: Trong thời gian ngắn bị cáo phạm 02 tội nên không áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít N trọng. Đối với đề nghị xử cho bị cáo D được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo có vai trò giúp sức tích cực nên việc xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo D là không có tác dụng giáo dục đối với bị cáo. Do đó cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ mà các bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không bị áp dụng.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bị cáo đều không có tài sản và nghề nghiệp nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Đối với những người có liên quan đến vụ án gồm: Đối với Đỗ Văn H đi cùng nhóm T ngày 06/10/2018, Cơ quan điều tra đã triệu tập H làm việc nhiều lần nhưng H không có mặt ở nhà nên chưa làm việc được với H. Quá trình điều tra, các đối tượng trong vụ án đều khai nhận: H có đi cùng nhóm của T, nhưng trong quá trình đánh, ép anh Đ trả nợ, H không tham gia hô hào gì, không gây thương tích cho anh Đ. Cơ quan điều tra chưa lấy được lời khai của H, chưa xác định được việc H tiếp nhận ý chí của T và đồng bọn về việc đánh, ép anh Đ trả

nợ như thế nào nên chưa đủ cơ sở để khởi tố đối với H với vai trò đồng phạm. Do vậy tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ xử lý sau là đúng pháp luật.

Đối với người đàn ông tên là Hùng, quá trình điều tra không rõ tên, tuổi địa chỉ của người này. Hùng có biết việc anh Đ vay nợ của T nên có tìm và chỉ phòng trọ của anh Đ cho nhóm T biết để đến đòi nợ. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của T và các đối tượng thì T không có sự bàn bạc với Hùng về việc sẽ đòi nợ như thế nào, Hùng không tham gia hành vi phạm tội với nhóm T, không có mặt tại hiện trường vụ án nên không đề cập xử lý.

[7] Đối với hành vi Nguyễn T ép buộc anh Vũ Minh Đ viết giấy bán xe và thuê xe biển kiểm soát 88D1- 223.72. Quá trình điều tra xác định: Lúc vay tiền, anh Đ để lại Đ ký xe trên để làm tin, sau đó anh Đ không trả nợ đúng hạn nên T và đồng bọn truy tìm anh Đ để đòi nợ tiền theo giấy Đ ký xe. Việc T và đồng bọn tìm thấy anh Đ và đưa xe của anh Đ (là tài sản đảm bảo cho khoản vay) về quán cầm đồ, mục đích chính là để ép Đ phải trả nợ khoản tiền vay 2.100.000đ. Tại đây, T đánh và ép buộc anh Đ phải viết giấy nhận nợ lên số tiền 8.000.000đ. Sau đó, T ép buộc anh Đ viết giấy bán xe, thuê xe, mục đích để giàng buộc trách nhiệm và đảm bảo việc anh Đ phải trả tiền theo giấy vay nợ 8.000.000đ cho T. Sau khi viết các loại giấy đảm bảo xong, T vẫn giao xe cho anh Đ sử dụng, chưa chiếm đoạt chiếc xe máy trên nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý về hành vi này là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Đối với thương tích của anh Đ do bị T và T dùng chân tay đánh đá với tỷ lệ thương tích 3% nhưng anh Đ không có yêu cầu gì đối với các bị cáo. Quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn T (anh trai bị cáo T) đã nộp 10.000.000đ tại cơ quan điều tra do các bị cáo đưa để khắc phục hậu quả. Anh Đ đồng ý nhận toàn bộ số tiền này, ngoài ra không có yêu cầu gì khác đồng thời xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho tất cả các bị cáo. Do đó cần trả cho anh Đ số tiền này.

[9] Về vật chứng của vụ án: Đối với xe máy biển kiểm soát 88D1- 223.72, 01 Đ ký của xe và 01 chứng minh thư mang tên Vũ Minh Đ. Quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Đ. Ngày 12/3/2019, Công an thành phố V đã trả lại tài sản trên, anh Đ nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Đối với xe máy biển kiểm soát 88K9- 3058 do D điều khiển chở T đi đòi nợ. Quá trình điều tra xác định là của ông Nguyễn Ngọc Bình (bố đẻ bị cáo D). Ông Bình cho D mượn xe máy trên để đi lại, không biết D sử dụng vào việc phạm tội. Sau khi xảy ra sự việc, D đã trả lại xe cho ông Bình, Cơ quan điều tra không T hành thu giữ và không đề cập xử lý trong vụ án.

Đối với xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu xanh do Trần Xuân M sử dụng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra xác định: Ngày 06/10/2018, M đến quán cầm đồ của anh Trần Ngọc Hoàng ở xã Đ, Hện L mượn xe máy làm phương tiện đi lại. Chiếc xe máy này của khách đến cầm cố cho Hoàng, không nhớ biển kiểm soát. Ngày 07/10/2018 M trả lại xe máy cho anh Hoàng, anh Hoàng trả lại cho khách hàng đến cầm cố, không lưu lại bất cứ thông tin gì của khách hàng nên Cơ quan điều tra không thu giữ được, không đề cập xử lý trong vụ án.

Đối với 01 điện thoại 1280, màu đen thu giữ của Nguyễn T T; 01 điện thoại di động VIVO, màu đen thu giữ của Nguyễn Như D; 01 điện thoại di động NOKIA 1280, màu đen thu giữ của Trần Xuân M và 01 điện thoại di động Mobile, màu đỏ thu giữ của Vũ Anh T. Quá trình điều tra xác định của T, D, M và T sử dụng để liên lạc việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 bút bi màu xanh, 01 hộp mực dấu màu đỏ thu giữ của Nguyễn T T sử dụng vào việc phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 USB 16GB sử dụng để thu giữ dữ liệu điện tử. Quá trình điều tra xác định là của bà Lưu Thị Đề cung cấp cho Cơ quan điều tra để phục vụ trích video từ camera an ninh nhà bà phục vụ giám định điện tử. Sau khi có kết luận giám định, Cơ quan đã trả lại chiếc USB trên cho bà Đề, bà Đề nhận lại tài sản và không có ý kiến thắc mắc gì.

Đối với 01 mẫu giấy bán xe, 01 Đ ký kinh doanh, 01 sổ hộ khẩu, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn T T, 01 biên bản kiểm tra phòng cháy và 01 hợp đồng thuê nhà của T đều là bản sao thu giữ trong khi khám xét nơi làm việc của T. Quá trình điều tra xác định, các tài liệu giấy tờ trên liên quan đến hoạt động kinh doanh của quán cầm đồ Anh T nhưng đều là bản sao nên cHển theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 giấy vay tiền số tiền 8.000.000đ, 01 giấy bán xe và 01 giấy thuê xe do Nguyễn T T tự nguyện giao nộp. Quá trình điều tra xác định là vật chứng vụ án nên cHển theo hồ sơ.

Đối với giấy vay nợ 2.000.000đ ghi ngày 10/7/2018 T cho anh Đ vay. Quá trình điều tra xác định sau khi viết giấy nhận nợ lên 8.000.000đ xong, T trả lại cho anh Đ, anh Đ đã xé bỏ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 168; khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn T T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cướp tài sản" và 07 (bảy) tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 04 (bốn) năm 01 (một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/10/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm 05 (năm) tháng tù về tội "Cướp tài sản" và 06 (sáu) tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 03 (ba) năm 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/10/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Như D 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng tù về tội "Cướp tài sản" và 06 (sáu) tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 03 (ba) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/10/2018.

Xử phạt bị cáo Vũ Anh T 03 (ba) năm (03) tháng tù về tội "Cướp tài sản" và 06 (sáu) tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/10/2018.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân M 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Cướp tài sản" và 06 (sáu) tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 08/10/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đ N 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Cướp tài sản" và 06 (sáu) tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/4/2019.

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu để bán sung quỹ Nhà nước 02 điện thoại 1280 màu đen; 01 điện thoại di động VIVO màu đen; 01 điện thoại di động Mobil màu đỏ là phương tiện liên lạc dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 01 bút bi màu xanh, 01 hộp mực dấu màu đỏ do các bị cáo dùng thực hiện hành vi phạm tội.

Trả cho anh Vũ Minh Đ số tiền 10.000.000đ do các bị cáo đưa cho anh Nguyễn Văn T nộp để khắc phục hậu quả.

(Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/7/2019).

Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn T T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Như D, Vũ Anh T, Trần Xuân M và Nguyễn Đ N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân thành phố VinhYên;
- Công an thành phố V;
- Trại tạm giam Công an tỉnh V;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Nữ Hương Huyền

